

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày: 11-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ly;

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Liễu Xuân K, sinh năm 1999, tại huyện CM, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp ML, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978 và bà Liễu Thị T, sinh năm 1981; vợ Nguyễn Khắc Thị Cẩm N, sinh năm 2000; con: chưa; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung cha mẹ, đi học đến lớp 10 nghỉ.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giam ngày 17/01/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hoàng H, sinh năm 2000, tại huyện CM, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp MQ, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981; chưa có vợ và con; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung cha mẹ, đi học đến lớp 7 nghỉ.

Bị tạm giam ngày 17/01/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Phạm Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khóm ĐT9, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J; địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Centec, 72 – 74 NTMK, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: ông YOSHIKAWA T – chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của ông YOSHIKAWA T: ông HARADA K; chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận Thẩm định – và bộ phận quản lý công nợ – JIVF (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn N, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp AQ, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bùi Thanh D, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp AQ, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bùi Thanh S, sinh năm 1933; nơi cư trú: ấp AQ, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Nguyễn Khắc Chí T, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp LH 1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

- Nguyễn Khắc Thị Cẩm N, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp LH 1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

- Lê Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp MQ, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

- Trương Quốc B, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp HTA, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đinh Thị Bích L, sinh năm 1980; nơi cư trú: B5 đường số 11, khu dân cư B HHH, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/12/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh An Giang phối hợp Công an xã ATT, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện CM, bắt quả tang tại khu vực thuộc tổ 10, ấp An Quới, xã ATT, Lê Hoàng H vận chuyển pháo nổ cho Nguyễn Liễu Xuân K, mục đích đi bán cho người khác để hưởng lợi; thu giữ 40 bịch nilon màu trắng,

bên trong mỗi bịch có 100 viên pháo hình quả banh nhiều màu sắc được hàn kín. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, K đến Công an xã ATT đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 40 bịch nilon màu trắng, bên trong mỗi bịch có 100 viên pháo hình quả banh nhiều màu sắc được hàn kín; 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-113.20; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 9 màu bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng.

Kết luận giám định số 632/C09B ngày 27/12/2019, của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận: Mẫu gửi đến giám định là pháo nổ, khi đốt phát ra tiếng nổ lớn, có khối lượng 9,6 kilôgam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện CM khởi tố, bắt tạm giam K và H để điều tra xử lý.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSCM ngày 21 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM đã truy tố các bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K; Lê Hoàng H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K; Lê Hoàng H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng H khoảng 01 năm tù;

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Đề nghị xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ pháo nổ;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-113.20; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 9 màu bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74 do bị cáo K đứng tên dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên hiện nay bị cáo đang thế chấp vay tiền tại Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J thông qua giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 57110000012537000 ngày 17/3/2017 và hiện nay vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho công ty. Việc bị cáo sử dụng xe vào

việc phạm tội Công ty không biết. Do đó để tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty đề nghị giao trả cho bị cáo K xe mô tô trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trong quá trình điều tra có lời khai:

- Bà Phạm Thị H trình bày: đã bán xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20 cho K vào ngày 05/11/2019, với giá 21.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên. Bà không yêu cầu gì đối với chiếc xe này.

- Ông HARADA K đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J trình bày: Ông là Giám đốc điều hành cấp cao bộ phận quản lý công nợ - Đại diện Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J. Ngày 17/3/2017, K đến cửa hàng Honda và dịch vụ LX mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74 với giá 41.000.000 đồng bằng hình thức trả góp cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J. K trả trước 3.540.000 đồng, còn lại 37.460.000 đồng trả góp trong thời hạn 30 tháng, mỗi tháng trả 1.823.326 đồng, K đã trả được 18.400.000 đồng, còn lại vốn lãi tính đến ngày 31/01/2020 là 22.058.930 đồng. Yêu cầu nhận lại xe để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi cất giữ pháo nổ để bán cho người khác thì bị bắt. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với các vật chứng bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức được hành vi của mình, mặc dù biết Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ, buôn bán pháo nổ, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã bất chấp tất cả miễn sao có lợi cho bản thân mình. Các bị cáo đã thực hiện tàng trữ 9,6 kilogram mục đích bán cho người khác để thu lợi, do đó hành vi của các

bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM truy tố các bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” là hoàn toàn đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng về hành vi của các bị cáo nhận thấy:

[3.1] Hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế (kinh doanh mặt hàng pháp luật cấm), làm ảnh hưởng đến sự bình thường của hoạt động quản lý Nhà nước về pháo và sử dụng pháo. Do vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và nhằm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về đồng phạm, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ cũng như không có sự phân chia vai trò cụ thể cho từng bị cáo nên giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã xác định được: Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt;

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng.

[6.1] Đối với 01 thùng giấy được niêm phong có in hình dấu tròn, màu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và các chữ ký ghi tên: Đỗ Minh Q, Ngô Hồng L. Bên trong có 40 túi nilon, vỏ nhựa nhiều màu sắc, đường kính 2cm, có gắn đoạn dây màu xanh, trong đó mỗi túi đã lấy ra 01 quả để giám định là hàng cấm nên tịch thu tiêu hủy;

[6.2] Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô: 077648 mang tên Phạm Thị H. Đây là xe của bị cáo K mua chưa sang tên, K sử dụng làm phương tiện giao dịch mua bán pháo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 9 màu bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và tài sản này hiện còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[6.3] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74 bị cáo K đứng tên sở hữu và giao cho H để vận chuyển hàng cấm. Đáng lẽ, đây là phương

tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy xe mô tô trên bị cáo K mua tại cửa hàng Angimex 1 tại thành phố LX, tỉnh An Giang. Ngày 17/3/2017 K ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 57110000012537000 để vay số tiền 37.460.000 để trả tiền mua xe và K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mỗi tháng với số tiền 1.823.326 đồng trong thời hạn 30 tháng, đến nay K chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán với Công ty và hiện còn thiếu công ty số tiền 22.058.930. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội Công ty không biết. Để tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty nghĩ nên giao trả cho bị cáo K xe mô tô trên. Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 57110000012537000 ngày 17/3/2017 giữa Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J và bị cáo K không liên quan đến việc phạm tội và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[6.4] Đối với Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J yêu cầu được nhận xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho công ty. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch giữa Công ty và bị cáo thông qua hợp vay và hợp đồng thế chấp là giao dịch dân sự, nếu có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu nhận lại xe của Công ty là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6.5] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô: 077648 mang tên Phạm Thị H. Trong quá trình điều tra bà xác định đã bán xe cho bị cáo K, nhưng chưa làm thủ tục sang tên và bà cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với những người tên Tài, Tuấn, Hóa và những người sử dụng tài khoản facebook tên “Ad pháo lẻ”, “Tý đô”, “Yến Linh”, hiện chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý là phù hợp.

Đối với việc K và H khai nhận trước đó nhiều lần mua bán pháo để thu lợi, nhưng không thu giữ được vật chứng để giám định làm cơ sở xử lý, ngoài ra không có chứng cứ nào khác, nên không quy kết K và H phạm tội nhiều lần, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giáo dục các bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”;
Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 17/01/2020 (ngày mười bảy, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi);

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”; Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 17/01/2020 (ngày mười bảy, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi);

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng giấy được niêm phong có in hình dấu tròn, màu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và các chữ ký ghi tên: Đỗ Minh Q, Ngô Hồng L. Bên trong có 40 túi nilon, vỏ nhựa nhiều màu sắc, đường kính 2cm, có gắn đoạn dây màu xanh, trong đó mỗi túi đã lấy ra 01 quả để giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 67B2-113.20; đã qua sử dụng, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô: 077648 mang tên Phạm Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 9 màu bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 67L1-849.74; số máy KC26E1088967, số khung RLHKC2602GY054690 do bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K đứng tên;

(Hiện vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/6/2020).

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Liễu Xuân K, Lê Hoàng H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị H; Công ty tài chính TNHH MTV quốc tế VN J vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện CM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan Điều tra;
- Nhà Tạm giữ;
- Chi cục THA dân sự;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ly Hoàng Thị Thiện Lai

Phạm Văn Dương